

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 05/TTP/2019

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: **CÔNG TY CỔ PHẦN TETRA PAK VIỆT NAM**

Địa chỉ: 253 Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028-38277100 Fax:

E-mail:

Mã số doanh nghiệp: 0302803331

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: **Bao bì TFA đựng thực phẩm**

2. Thành phần: Bao bì gồm 6 lớp:

- Lớp ngoài cùng: nhựa PE
- Lớp thứ 2: lớp giấy tạo độ cứng và mực in
- Lớp thứ 3: nhựa PE
- Lớp thứ 4: màng nhôm
- Lớp thứ 5 và 6: hai lớp nhựa PE

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm:

12 tháng kể từ ngày sản xuất với điều kiện bảo quản được đảm bảo theo yêu cầu đề nghị của Tetra Pak.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Sản phẩm được tạo thành cuộn, xếp trên pallet. Số cuộn xếp trên một pallet được ghi nhãn của mỗi pallet tại nhà máy sản xuất giấy.
- Sản phẩm được đóng trong thùng carton đảm bảo an toàn thực phẩm theo quy định của bộ Y Tế.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

- Tên nhà sản xuất: Công ty Cổ phần Tetra Pak Bình Dương.
- Địa chỉ: Đường số 30, Vĩnh Tân, Tân Uyên, Bình Dương, Việt Nam.

III. Mẫu nhãn sản phẩm:

- **Nhãn gốc và hình sản phẩm:**



Tetra Pak® Tetra Pak Material Number / Mã số hàng hóa DVN - C961 - 06 International supply chain		Tetra Pak Material Description / Tên hàng hóa SP TH PURE TFA250 FSC Production Order Number / Mã số nhà máy sản xuất P531-0753799		VINAMILK 20 8935217400096 929940183 TFA/JI	
5-0013/ 37700 6-0013/ 37700		97329004458998 97329007633210206 076321020 Customer Part Number		02 075400 27.02.2019 26.02.2020	
Sản xuất: Việt Nam Thành phần: PE, nhôm, giấy và mực in Thông số kỹ thuật: CCVN 15:1-2011/BT Hướng dẫn sử dụng: 10°C - 40°C, độ ẩm 40% - 65% Hướng dẫn sử dụng: Dùng trên máy tương thích Xem tài liệu đính kèm		 (02)9732900445899(13)190115(37)02(241)  (00)373298807633210206(30)75400(10)0763321020			



- Nội dung nhãn phụ sản phẩm:

Bao bì TBA đựng thực phẩm

Thành phần: Bao bì gồm 6 lớp:

- Lớp ngoài cùng: nhựa PE
- Lớp thứ 2: lớp giấy tạo độ cứng và mực in
- Lớp thứ 3: nhựa PE
- Lớp thứ 4: màng nhôm
- Lớp thứ 5 và 6 (lớp tiếp xúc trực tiếp với sản phẩm): lớp nhựa PE.

Kích thước sản phẩm: Sản phẩm được tạo thành cuộn, xếp trên pallet. Số cuộn trên một pallet được ghi trên nhãn của mỗi pallet tại nhà máy sản xuất giấy.

Hướng dẫn sử dụng và bảo quản:

- Sản phẩm dùng để chứa đựng bao gói thực phẩm.
- Sản phẩm phải được đưa về phòng sử dụng ít nhất 24 tiếng trước khi bóc mở lớp PE ngoài. Bóc mở lớp PE ngoài cùng, sử dụng trực tiếp. Các sản phẩm dùng dở phải được bọc kỹ.
- Bao bì được bảo quản trong kho sạch, tránh ẩm và ánh sáng chiếu trực tiếp.
- Bao bì không lưu trữ chung với các loại nguyên vật liệu khác.
- Bao bì phải được lưu trữ trên pallet và pallet phải đặt cách tường ít nhất 100mm.
- Pallet có thể chất tối đa 3 lớp
- Các bao bì dùng dở phải được bao bọc kỹ và dán nhãn rõ ràng.
- Điều kiện tồn trữ: nhiệt độ 10-40°C, độ ẩm 40-65%.

Ngày sản xuất: Xem trên bao bì.

Hạn sử dụng: 12 tháng kể từ ngày sản xuất với điều kiện bảo quản được đảm bảo theo yêu cầu đề nghị của Tetra

Pak.

Xuất xứ: Việt Nam

Tên nhà sản xuất: Tên nhà sản xuất: Công ty Cổ phần Tetra Pak Bình Dương.

Địa chỉ: Đường số 30, Vĩnh Tân, Tân Uyên, Bình Dương, Việt Nam.

Công bố sản phẩm và chịu trách nhiệm về chất lượng hàng hóa bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN TETRA PAK VIỆT NAM, địa chỉ: 253 Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Điện thoại: 028-38277100

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Sản phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 12-1:2011/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm.
- Giới hạn công bố các chỉ tiêu an toàn thực phẩm:

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Chì	µg/g	100
2	Cadimi	µg/g	100
3	Hàm lượng cặn khô chiết được từ mẫu trong nước cất, 60°C, 30 phút	µg/mL	30
4	Hàm lượng cặn khô chiết được từ mẫu trong axit axetic 4%, 60°C, 30 phút	µg/mL	30
5	Hàm lượng cặn khô chiết được từ mẫu trong n-heptan, 25°C, 60 phút	µg/mL	30
6	Hàm lượng kim loại nặng (qui ra chì) chiết được từ mẫu trong axit axetic 4%, 60°C, 30 phút	µg/mL	1
7	Hàm lượng KMnO4 sử dụng trong nước cất chiết từ mẫu, 60°C, 30 phút	µg/mL	10

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.



Huỳnh Thị Nhật Khanh

80
NG
Ủ PI
RA
ỆT
PH

Ref: 0684b/N3.18/DG

Date: 04 April 2019

CERTIFICATE OF INSPECTION

1. **Client** : Tetra Pak Viet Nam Corporation
2. **Declared name of sample** : Laminated paper used for food packaging (TFA)
3. **Number of sample** : 01 4. **Sample submitted on**: 28 March 2019
5. **Inspection criteria** : QCVN 12-1:2011/BYT- National technical regulation on safety and hygiene for synthetic resin implement, container and packaging in direct contact with foods.

6. INSPECTION RESULT

No.	Characteristic	Inspection result	Maximum permitted levels stated at item 5
6.1	Appearance		-
6.2	Identification of plastic (the food contact surface)	Polyethylene	Belongs to the plastic group at item 5
6.3	Content of evaporation residue extracted from the sample, µg/mL		30
	- In distilled water, 60°C, 30 min.	< 5	
	- In acetic acid 4 %, 60°C, 30 min.	< 5	
	- In n-heptane, 25°C, 60 min.	16	
6.4	Content of KMnO ₄ consumed in distilled water extracted from the sample, 60°C, 30 min., µg/mL	< 1	10
6.5	Heavy metal content (as lead) extracted from the sample in the acetic acid 4%, 60°C, 30 min., µg/mL	< 1	1
6.6	Metal content in the material, µg/g		100
	- Lead (Pb)	< 5	
	- Cadmium (Cd)	< 5	

7. **Conclusion**: The obtained test result of the above sample conforms to the permitted levels specified at item 5 for the *Laminated paper (the food contact surface is synthetic plastic film)* intended to come into direct contact with **non-alcoholic foods and drinks**.

F.N: This certificate is valid for the above sample only.

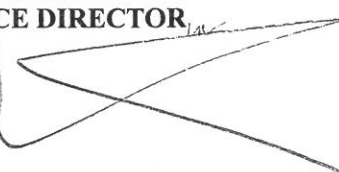
INSPECTOR



PHAM THI VAN GIANG



FOR DIRECTOR
VICE DIRECTOR



MAI VAN SUNG



Hoàng Văn Công

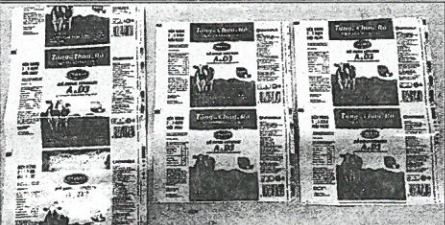
Số: 0684b/N3.19/ĐG

Ngày: 04/04/2019

THÔNG BÁO KẾT QUẢ GIÁM ĐỊNH

1. Đơn vị yêu cầu : Công ty Cổ phần Tetra Pak Việt Nam
2. Tên mẫu theo khai báo : Giấy phức hợp dùng làm bao bì thực phẩm (TFA)
3. Số lượng mẫu : 01
4. Ngày nhận mẫu : 28/03/2019
5. Căn cứ giám định : QCVN 12-1:2011/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm.

6. KẾT QUẢ GIÁM ĐỊNH

Stt	Tên chỉ tiêu	Kết quả giám định	Giới hạn tối đa cho phép nêu tại mục 5
6.1	Ngoại quan		-
6.2	Định danh nhựa (bề mặt tiếp xúc thực phẩm)	Polyethylen	Thuộc nhóm nhựa nêu tại mục 5
6.3	Hàm lượng cặn khô chiết được từ mẫu, µg/mL - Trong nước cất, 60°C, 30 phút - Trong axit axetic 4%, 60°C, 30 phút - Trong n-heptan, 25°C, 60 phút	< 5 < 5 16	30
6.4	Hàm lượng KMnO ₄ tiêu thụ trong nước cất chiết được từ mẫu, 60°C, 30 phút, µg/mL	< 1	10
6.5	Hàm lượng kim loại nặng (qui ra chì) chiết được từ mẫu trong axit axetic 4%, 60°C, 30 phút, µg/mL	< 1	1
6.6	Hàm lượng các kim loại trong vật liệu, µg/g - Chì (Pb) - Cadimi (Cd)	< 5 < 5	100

7. **Kết luận:** Mẫu nêu trên có kết quả các chỉ tiêu thử nghiệm phù hợp với mức quy định nêu tại mục 5 đối với Giấy phức hợp (bề mặt tiếp xúc với thực phẩm là màng nhựa tổng hợp) tiếp xúc trực tiếp với các loại thực phẩm, thức uống không chứa cồn.

Ghi chú: Thông báo này chỉ có giá trị cho mẫu nêu trên.

GIÁM ĐỊNH VIÊN



Phạm Thị Vân Giang

Chứng thực bản sao đúng với bản chính.
Số chứng thực: 1092-1
Ngày cấp: 04/04/2019
Quyển số: 50785



KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Mai Văn Sùng

M01-QTGD 31

Hoàng Văn Công